TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **87**/2026/HNGĐ-ST
Ngày 23/6/2026
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Hồng Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Thăng Long**

Bà **Võ Thị Bời**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông **Trương Tấn Lộc** – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Khánh Hòa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Khánh Hòa tham gia phiên tòa:*** Ông **Nguyễn Giỏi Mạnh Phi** – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Khánh Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 450/2026/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2025 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1991

Nơi cư trú: Tổ B, đảo T, phường N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông **Trần Bảo L**, sinh năm: 1987

Nơi cư trú: Thôn V, phường T, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 31/10/2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà và ông Trần Bảo L kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường V, thành phố N (Nay là Ủy ban nhân dân phường N), tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 04/2013 ngày 03/01/2013. Quá trình chung sống bà phát hiện ông L có mối quan hệ bên ngoài dẫn đến vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không còn tiếng nói chung. Bà đã từng gửi đơn yêu cầu ly hôn nhưng ông L năn nỉ và thương các con nên bà đã rút đơn. Tuy nhiên sau đó ông L vẫn tiếp tục có mối quan hệ khác mà không có sự thay đổi nên khoảng một năm nay bà và ông L không còn sống chung với nhau nữa. Bà thấy rằng mục

đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L.

Về con chung: Bà và ông L có 02 (Hai) con chung là Trần Phước A, sinh ngày: 28/12/2020 và Trần Trí D, sinh ngày: 27/11/2013. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, bà có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung đến tuổi trưởng thành, bà không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà và ông L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Bản tự khai ngày 18/5/2026 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Bảo L trình bày:* Ông và bà Nguyễn Thị H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố N (Nay là phường N), tỉnh Khánh Hòa vào năm 2013. Nay bà H yêu cầu ly hôn, ông không đồng ý ly hôn vì con cái cần có ba mẹ.

Về con chung: Ông và bà H có 02 (Hai) con chung là Trần Phước A, sinh ngày: 28/12/2020 và Trần Trí D, sinh ngày: 27/11/2013. Nếu ly hôn, ông có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu A và giao cháu D cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Khánh Hòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Trần Bảo L. Về con chung, đề nghị giao 02 (Hai) con chung: Trần Phước A, sinh ngày: 28/12/2020 và Trần Trí D, sinh ngày: 27/11/2013 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Bà H không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung, bà H và ông L xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét. Về án phí, bà H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết về việc ly hôn với bị đơn ông Trần Bảo L. Bị đơn ông L có địa chỉ cư trú tại phường T, tỉnh Khánh Hòa nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Khánh Hòa theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và bị đơn ông Trần Bảo L có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Bảo L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường V, thành phố N (nay là Ủy ban nhân dân phường N), tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 04/2013, quyển số 02/2012 ngày 03/01/2013 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, bà H trình bày đã nhiều lần phát hiện ông L có mối quan hệ bên ngoài dẫn đến vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không còn tiếng nói chung. Vì con cái, bà H đã nhiều lần khuyên nhủ và cho ông L cơ hội nhưng ông L vẫn không thay đổi nên bà yêu cầu được ly hôn với ông L. Ông L không đồng ý ly hôn với bà H vì lý do con còn nhỏ, cần có ba mẹ. Tuy nhiên khoảng một năm trở lại đây, bà H và ông L không còn sống chung với nhau nữa, không ai quan tâm gì đến ai. Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà H và ông L không có tiếng nói chung, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị ly hôn của bà H là chính đáng, có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Bảo L có 02 (Hai) con chung là Trần Phước A, sinh ngày: 28/12/2020 và Trần Trí D, sinh ngày: 27/11/2013. Bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, ông L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Phước A và đề nghị giao cháu Trần Trí D cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi ông L và bà H không sống chung với nhau, bà H là người trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Trần Phước A và Trần Trí D. Tại Bản tự khai ngày 12/12/2025, cháu D cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, nhằm đảm bảo cho các cháu có cuộc sống ổn định và phát triển tốt nhất cho tâm sinh lý của trẻ em nên giao hai cháu Trần Phước A và Trần Trí D cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, là phù hợp với điều kiện hiện tại, phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng: Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu ông Trần Bảo L cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Bảo L xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ

thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 238, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Trần Bảo L.

2. Về con chung: Giao 02 (Hai) con chung: Trần Phước A, sinh ngày: 28/12/2020 và Trần Trí D, sinh ngày: 27/11/2013 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Ông Trần Bảo L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Đồng thời, có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng: Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu ông Trần Bảo L cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

Vì lợi ích của con chung, nếu xét thấy cần thiết bà H và ông L đều có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Bảo L xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003898 ngày 18 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa. Bà H đã nộp đủ án phí.

Quy định: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản

án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Hồng Thủy